

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 24/2019/DS-ST

Ngày: 25-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thanh P. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Cao Hải S và bà Nguyễn Thị Thanh V. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh P trình bày:

Do quen biết nên ngày 23/12/2016, chị Trần Thị Thanh P cho ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V vay số tiền 48.000.000 đồng, khi vay ông S là người viết giấy vay tiền và ông S, bà V là người ký vào giấy vay tiền, về thời hạn thanh toán thỏa thuận sau ba tháng tức là vào ngày 23/3/2017, trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Quá hạn thanh toán số tiền 48.000.000 đồng nhưng ông S, bà V không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận, đã nhiều lần chị P yêu cầu ông

S, bà V thanh toán nợ nhưng ông S, bà V cố tình không trả. Vì vậy, chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải thanh toán số nợ gốc là 48.000.000, về tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V, tuy nhiên ông S, bà V vắng mặt tại địa phương, tại phiên tòa ông S, bà V vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải thanh toán cho chị Trần Thị Thanh P số tiền nợ gốc là 48.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V có địa chỉ tại thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V. Tại Biên bản xác minh của Công an xã Đ thể hiện, ông S, bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã S, huyện K. Tuy nhiên ông S, bà V thường xuyên vắng mặt tại địa P, không thông báo tạm vắng tại địa P, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho chị Ph được biết, vì vậy chính quyền địa P và chị P không xác định được nơi sinh sống và làm việc của ông S, bà V.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho*

Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp: Ngày 23/12/2016, chị Trần Thị Thanh P cho ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V vay số tiền 48.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, ông S là người trực tiếp viết giấy và ông S, bà V ký vào giấy vay tiền, về thời hạn thanh toán thỏa thuận sau ba tháng sẽ thanh toán, tức ngày 23/3/2017. Vì vậy ông S, bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị P.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được ông S, bà V là người có nghĩa vụ đối với chị P, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, ông bà thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho chị P, vì vậy S, bà V cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền

[3]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S, bà V vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Ngày 23/12/2016, chị Trần Thị Thanh P cho ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V vay số tiền 48.000.000 đồng, khi vay hai bên có

viết giấy vay tiền, ông S là người trực tiếp viết giấy và ông S, bà V ký vào giấy vay tiền, về thời hạn thanh toán thỏa thuận sau ba tháng sẽ thanh toán, tức ngày 23/3/2017. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị P là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về yêu cầu tính lãi suất: Theo nội dung “giấy vay tiền” ngày 23/12/2016, xét thấy nội dung chỉ thể hiện các bên thỏa thuận về thời gian trả mà không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Do ông S, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị P có quyền yêu cầu ông S, bà V phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự lãi suất được áp dụng là 10%/năm (0,83%/tháng), do đó đối với số tiền 48.000.000 đồng được tính lãi như sau: 48.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 32 tháng 02 ngày (làm tròn 32 tháng) = 12.748.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông S, bà V có nghĩa vụ phải trả cho chị P là 60.748.000 đồng trong đó nợ gốc là 48.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh 12.748.000 đồng.

[6]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn chị Trần Thị Thanh P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải thanh toán cho chị Trần Thị Thanh P số tiền 60.748.000 đồng trong đó nợ gốc là 48.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh 12.748.000 đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Hải S, bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 3.037.400 đồng (làm tròn 3.037.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Trần Thị Thanh P 1.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000804 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ THỊ TÍM